

Nâng cao chất lượng đào tạo lao động chuyên ngành kế toán Trường Đại học Tây Bắc

 Nguyễn Anh Ngọc*

Nhận: 18/03/2021

Biên tập: 30/03/2021

Duyệt đăng: 10/04/2021

Với mục đích nâng cao chất lượng đào tạo ngành kế toán, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, tác giả đã nghiên cứu đánh giá chương trình đào tạo của Đại học Tây Bắc, kết hợp với khảo sát ý kiến của cựu sinh viên, đơn vị sử dụng lao động và các sinh viên đang được đào tạo. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán, tại Trường Đại học Tây Bắc.

Từ khóa: kế toán, lao động, chương trình đào tạo.

Abstract:

With the aim of improving the quality of accounting workers to meet the needs of the labor market, the article has evaluated the training program, combined with the survey collected from former subjects. Students, employers and students are being trained to provide comments and ideas that will help refine the accounting program at Northwestern University.

Keywords: Accountancy, labour, training program.

1. Đặt vấn đề

Trên thế giới hiện có hai định hướng đào tạo đại học, đó là đào tạo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng. Trong đó, tại đại học ứng dụng, chương trình giáo dục dựa trên tình hình thực tế, trang bị kiến thức, kỹ năng giúp người học sẵn sàng tham gia các ngành nghề cụ thể. Chương trình này hướng tới đào tạo nhân lực có tay nghề, kích thích khả năng sáng tạo, tự nhận thức thích nghi với thực tế công việc, chương trình học mang tính thực hành, tập trung cao kỹ năng nghề nghiệp, giúp sinh viên sẵn sàng tham gia vào các ngành nghề cụ thể, tăng giờ học thực hành, giảm giờ học lý thuyết.

Trường Đại học Tây Bắc với nhiệm vụ tăng cường đào tạo nghề cho các tỉnh Tây Bắc và cả nước, sinh viên ra trường có năng lực thích ứng, năng lực trí tuệ, năng lực

hành động, năng lực tự học, tự nghiên cứu để phát triển. Vì vậy, trong quá trình dạy và học, nhà trường đã không ngừng cải tiến, chỉnh sửa, đổi mới chương trình đào tạo nhằm phù hợp với yêu cầu của

thị trường lao động khu vực Tây Bắc và cả nước nói chung.

Bài viết sẽ khái quát và đánh giá chương trình đào tạo, từ đó đưa ra một số ý kiến góp phần hoàn thiện chương trình đào tạo tại Trường Đại học Tây Bắc nhằm hướng tới nâng cao chất lượng nguồn lao động kế toán.

2. Thực tế đào tạo chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học Tây Bắc

Nhìn vào số liệu bảng 1, có thể thấy, tổng số tín chỉ chương trình áp dụng là 135, trong đó: Kiến thức giáo dục chung chỉ chiếm 27 tín chỉ, tương đương 20%; Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp chiếm tỷ trọng lớn: 98 tín chỉ, tương đương 72,59%. Trong đó, Kiến thức cơ sở

Bảng 1: Chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán

	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức chung	27	20
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	98	72,59
Kiến thức cơ sở ngành	38	28.15
Kiến thức chuyên ngành	60	44,44
Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận (hoặc tích lũy các học phần tương đương)	10	7,41
Tổng	135	100

(Nguồn: Phòng đào tạo)

* Đại học Tây Bắc

ngành là 38 tín chỉ (28,15%), kiến thức chuyên ngành là 60 tín chỉ (44,44%), Thực tập tốt nghiệp và khóa luận (hoặc tích lũy các học phần tương đương) là 10 tín chỉ, tương đương 7,41%.

Chương trình đào tạo có các đặc điểm nổi bật như sau:

Thứ nhất, về cơ cấu chương trình: Giảm khối lượng kiến thức đại cương và cơ sở ngành, tăng khối lượng kiến thức chuyên ngành, trong đó tăng chủ yếu khối lượng kiến thức và thời gian thực hành, ứng dụng nghề nghiệp trong các môn học, đặc biệt là việc bổ sung các môn thực hành kế toán tài chính và hành chính sự nghiệp (Thực hành kế toán DN sản xuất; Thực hành kế toán DN thương mại và dịch vụ; Thực hành kế toán DN xây lắp; Thực hành kế toán công). Thông qua chương trình đào tạo, người học có được những kiến thức vừa có tính hàn lâm vừa có tính ứng dụng, vừa có năng lực nghiên cứu, vừa có kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu phù hợp với các kỹ năng được xác định trong chuẩn đầu ra.

Thứ hai, tiêu chí ngành học được xác định rõ ràng, phù hợp với yêu cầu của xã hội: Đào tạo ra các cử nhân trình độ đại học kế toán có kỹ năng nghề nghiệp thành thạo, để có thể hành nghề trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán. Sinh viên ra trường có khả năng thực hiện các nghiệp vụ về kế toán, phân tích dự báo tài chính trong các DN, các cơ quan hành chính sự nghiệp... có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn để trở thành các nhà quản lý tài chính, các chuyên gia trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.

Thứ ba, cấu trúc chương trình mềm dẻo, linh hoạt: Thông qua việc tăng số lượng học phần tự chọn lên đến 21 học phần, mỗi học phần tự chọn có nhiều học phần để sinh viên có thể lựa chọn được môn học phù hợp với năng lực bản thân và đáp ứng được yêu cầu công việc, sau khi tốt nghiệp ra trường.

Thứ tư, tăng thời lượng đào tạo: Ngoại ngữ từ 11 tín chỉ lên 19 tín chỉ, với mục tiêu đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, đặc biệt trong sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng Công nghiệp 4.0.

Thứ năm, đổi mới nội dung của mỗi học phần: Thông qua tăng cường các giờ thảo luận trên lớp, tăng số giờ bài tập và thực hành, có động ngăn gọn lý thuyết hàn lâm. Thực hiện mô hình phòng kế toán ảo

Bảng 2: Đánh giá chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán, Trường Đại học Tây Bắc

Chỉ tiêu	Cựu sinh viên	Đơn vị sử dụng lao động	Sinh viên
Có kiến thức lý thuyết toán diện, chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, kế toán	2.54	2.60	2.62
Có kiến thức thực tế cơ bản trong lĩnh vực tài chính, kế toán	2.59	2.73	2.65
Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật	2.43	2.63	2.50
Nắm vững kiến thức về luật và chế độ, chính sách tài chính, kế toán hiện hành	2.50	2.50	2.65
Có kiến thức về đạo đức nghề nghiệp	2.79	2.83	2.83
Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc	2.64	2.73	2.69
Có kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát quá trình thực hiện công việc tài chính, kế toán	2.44	2.63	2.64
Có kỹ năng tổ chức, phân công công việc	2.49	2.43	2.68
Biết tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, ghi chép hệ thống số kế toán, biết lập, đọc, hiểu báo cáo tài chính	2.53	2.70	2.66
Có khả năng đọc, hiểu và truyền đạt các văn bản liên quan đến lĩnh vực tài chính kế toán	2.46	2.73	2.64
Đạt được kỹ năng cơ bản nghe, nói, đọc, hiểu tiếng anh tương ứng đạt mức 3.6 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	2.00	2.07	2.47
Kỹ năng tin học đạt mức chuẩn cơ bản theo quy định hiện hành	2.57	2.77	2.63
Sử dụng thành thạo các phần mềm kế toán	2.40	2.57	2.70
Biết soạn thảo, trình bày báo cáo chuyên môn và các văn bản hành chính	2.59	2.73	2.72
Biết ứng dụng công nghệ thông tin để tìm kiếm tài liệu, văn bản cho công việc	2.76	2.70	2.73
Có kỹ năng cơ bản làm việc nhóm, làm việc độc lập	2.59	2.67	2.72
Có kỹ năng cơ bản xây dựng và phát triển mối quan hệ với tập thể, kỹ năng giao tiếp, ứng xử cần thiết	2.61	2.73	2.71
Kỹ năng cơ bản thuyết trình, thuyết phục, phản biện, phát hiện, giải quyết vấn đề	2.29	2.43	2.61
Có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn	2.61	2.80	2.61
Có phẩm chất, tư tưởng chính trị tốt, có nhận thức tốt về đạo đức nghề nghiệp	2.80	2.90	2.78
Có thái độ tích cực, đam mê công hiến nghề nghiệp, chủ động sáng tạo giải quyết công việc trong thực tiễn	2.64	2.77	2.71
Có tinh thần trách nhiệm trong công việc, tuân thủ luật và chế độ, văn bản tài chính, kế toán hiện hành	2.77	2.83	2.74
Có khả năng tổ chức, tự chủ, tự chịu trách nhiệm và có thể thực hiện công việc chuyên môn về tài chính, kế toán	2.59	2.70	2.67
Có thể định hướng, ra kết luận và bảo vệ kết quả chuyên môn và quan điểm về kế toán	2.44	2.47	2.56
Có khả năng đánh giá, cải thiện hiệu quả công việc kế toán và công việc khác trong đơn vị	2.50	2.53	2.63
Có khả năng đánh giá, cải thiện hiệu quả công việc kế toán và công việc khác trong đơn vị	2.49	2.60	2.55
Người học có thể đàm nhận các vị trí kế toán khác nhau tại DN và các tổ chức	2.66	2.70	2.67
Người học có thể đàm nhận các vị trí khác nhau tại các phòng ban như phòng kinh doanh, phòng kế hoạch, phòng tổ chức... của đơn vị	2.57	2.57	2.65
Người học có thể tự làm dịch vụ kế toán, tài chính cho các DN, tổ chức	2.36	2.37	2.65
Người học có thể tự khởi nghiệp trong các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh	2.50	2.43	2.67

(Thang điểm từ 1 là không tốt đến 3 là tốt nhất)

(Nguồn: Phiếu khảo sát)

thông qua các môn thực hành; đổi mới chương trình thực tập tạo cơ hội cho người học sớm tiếp cận với các hoạt động thực tế, các công việc, giấy tờ, chứng từ, mẫu biểu, sổ và báo cáo kế toán thuộc các phân hành kế toán.

Thứ sáu, đổi mới phương pháp giảng dạy: Lấy người học làm trung tâm, từ đó tác động và khai thác tốt tiềm năng sáng tạo của người học trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Hai năm một lần, Khoa Kinh tế và bộ môn Kế toán, Trường Đại học Tây Bắc tiến hành khảo sát người sử dụng lao động, sinh viên đã tốt nghiệp và sinh viên đang theo học chuyên ngành kế toán để có những nhận định và điều chỉnh kịp thời nhằm đào tạo những lao động chất lượng, đáp ứng phù hợp với thị trường lao động Tây Bắc nói riêng và cả nước nói chung.

Nhìn vào bảng ta thấy, chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán có được sự phản hồi khá tích cực từ phía cựu sinh viên, các đơn vị sử dụng lao động và từ các sinh viên đang theo học. Các tiêu chí đều đạt điểm trên 2 điểm đến gần 3 điểm. Đa số sinh viên xin được việc làm trong thời gian ngắn (3 - 6 tháng), công việc đúng với chuyên ngành hoặc chuyên ngành gần, sinh viên mới ra trường nắm bắt được ngay công việc kế toán từ khâu lập, tiếp nhận, kiểm tra chứng từ đến ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính,... Điều này cho thấy, việc chỉnh sửa chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán Trường Đại học Tây Bắc đang đi đúng hướng và bước đầu đạt được những thành công nhất định.

3. Một số ý kiến đề xuất

Mặc dù đạt được những thành công bước đầu nhưng trong quá trình áp dụng, chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán vẫn còn nhiều hạn chế, thiếu sót. Vì vậy, trong khuôn khổ bài viết này, tác giả xin đưa ra một số ý kiến góp phần hoàn thiện chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán, Trường Đại học Tây

Bắc nhằm nâng cao chất lượng lao động, đáp ứng phù hợp với thị trường lao động trong tiến trình áp dụng IFRS.

Một là, nhà trường cần tiếp tục tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ và bồi dưỡng kiến thức thực tế cho đội ngũ giảng viên, đội ngũ đi tiên phong trong việc chỉnh sửa chương trình để họ có tư duy, định hướng và có phương pháp giảng dạy đáp ứng được với chương trình đã chỉnh sửa. Ngoài ra, mỗi giảng viên được coi là những hạt nhân quan trọng trong việc chỉnh sửa chương trình, do đó mỗi giảng viên phải tự vận động tìm hiểu thực tế và đưa ra nội dung chỉnh sửa chi tiết đối với từng học phần cụ thể như thế nào, để đáp ứng được mục tiêu đào tạo thực tế hiện nay và trong thời gian tới. Bên cạnh đó, mỗi giảng viên cần ý thức tự bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ để có thể tham khảo một cách có chọn lọc các tài liệu nước ngoài nhằm mục đích cập nhật nâng cao kiến thức, làm đa dạng và phong phú bài giảng của mình.

Hai là, việc xây dựng sửa đổi chương trình đang được thực hiện một cách có hiệu quả, cần tiếp tục phát huy một cách thường xuyên liên tục sự tham gia rộng rãi của các đối tượng có liên quan, cần tiếp tục duy trì các cuộc điều tra rộng rãi về yêu cầu đáp ứng công việc của sinh viên ra trường đối với các DN, các đơn vị tuyển dụng, các kế toán đang làm việc thực tế trong các đơn vị, lấy ý kiến của các giảng viên giảng dạy, các cựu sinh viên và các sinh viên hiện tại để đảm bảo chỉnh sửa chương trình đào tạo đáp ứng với yêu cầu đào tạo thực tế hiện nay, có sự phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế của khu vực, của vùng trong thời gian tới, tránh đưa ra một chương trình khi chưa áp dụng đã bị lạc hậu so với thực tế. Cần tham khảo cách sửa đổi chương trình của các trường đại học trong nước và quốc tế để đảm bảo việc chỉnh sửa có được cái nhìn rộng, dài hạn, tránh được

những sai lầm, những tồn tại của những trường đã đi trước và học hỏi được cách chỉnh sửa chương trình cho phù hợp với thực tế của trường về đội ngũ giảng viên, sinh viên, cơ sở vật chất,...

Ba là, nhà trường cần tăng cường tổ chức các buổi hội thảo, ngoại khóa, các câu lạc bộ,... nhằm giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết cho công việc thực tế sau khi ra trường, giúp sinh viên có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích, khả năng trình bày, khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả trong nhóm (đa ngành), hội nhập được môi trường quốc tế. Bên cạnh đó, nhà trường cần tạo mối quan hệ rộng rãi và sâu sắc với các DN trong tỉnh và khu vực để giúp sinh viên có điều kiện tiếp cận công việc thực tế tại các DN, nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp trước khi tốt nghiệp.

Nhà trường cũng có thể kết hợp với các DN tổ chức các buổi tọa đàm, giao lưu giữa các nhà lãnh đạo DN, kế toán trưởng và các kế toán viên giàu kinh nghiệm để sinh viên có thêm cơ hội cọ xát, tiếp xúc và học hỏi kinh nghiệm thực tế ngay từ trong ghế nhà trường.

Bốn là, nhà trường cần phối hợp với DN đề hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên thực tập, bố trí công việc cụ thể và phân công cán bộ hướng dẫn thực tế công việc cho sinh viên. Kết thúc quá trình thực tập, nhà trường gửi về phía các DN một phiếu nhận xét đánh giá về chương trình đào tạo so với yêu cầu của các DN. Để từ đó điều chỉnh, xây dựng, đổi mới chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu tuyển dụng hơn.

Năm là, cần tăng thời lượng của các môn thực hành (mô hình phòng kế toán ảo), bộ tài liệu cho mỗi môn thực hành cần thu thập và xây dựng thêm các nghiệp vụ, để có thể bao quát toàn bộ hoạt động của DN một cách cơ bản và đầy đủ nhất. Mặt khác, các môn thực hành cần bổ sung thêm nội dung lập các báo cáo

quản trị phục vụ nội bộ DN đáp ứng một cách đầy đủ nhất yêu cầu của các nhà tuyển dụng và sử dụng lao động kế toán.

Sáu là, trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy cần chấm dứt cách giảng dạy thụ động, người học buộc phải coi các quy định trong chế độ kế toán của Nhà nước là kiến thức kế toán chuẩn. Cần phải tạo cho người học hiểu và phát triển lý luận mang tính bản chất của kế toán và kiểm toán. Tăng cường hơn nữa phương pháp thảo luận nhóm và bài tập giải quyết tình huống qua đó phát huy tính sáng tạo, tư duy độc lập cho người học.

Bảy là, hiện tại trong chương trình đào tạo có 19 tín chỉ ngoại ngữ (Tiếng Anh) nhưng học phần tiếng Anh chuyên ngành lại chưa mang lại hiệu quả thực sự. Cụ thể, học phần mới chỉ có thời lượng 4 tín chỉ, giảng viên giảng dạy lại không có kiến thức sâu rộng về chuyên ngành kế toán. Bởi thế mà trong quá trình giảng dạy, truyền đạt những kiến thức chuyên ngành thì chính bản thân giáo viên lại không nắm rõ, điều này ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình học tập và tiếp cận các tài liệu nước ngoài của sinh viên. Vì vậy, cần tăng thời lượng học phần tiếng Anh chuyên ngành, tuyển dụng hoặc bồi dưỡng giáo viên được đào tạo đúng chuyên ngành tiếng Anh kinh tế về giảng dạy, nhằm nâng cao chất lượng môn học, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. ■

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Anh Ngọc, *Điều tra kết quả việc làm và chất lượng làm việc của sinh viên chuyên ngành kế toán, trường Đại học Tây Bắc, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường.*
2. Trường Đại học Tây Bắc, *Chương trình đào tạo ngành kế toán.*
3. Một số trang web: misa.com.vn, mof.gov.vn, vacpa.org.vn, kiemtoan.gov.vn...
4. Đại học Nguyễn Trãi (2016), *Đại học ứng dụng - Smart University: Xu hướng học đại học mới!*, <http://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/dai-hoc-ung-dung-smart-university-xu-huong-hoc-dai-hocmoi-20160520152522686.htm>.

(Tiếp theo trang 93)

Nhóm tác giả đề nghị cách giải thích như sau: Nghiệp vụ trên thì kế toán sẽ định khoản Nợ TK 811/ Có TK 3388. Còn hạch toán theo góc nhìn của thuế thì khoản phạt này không phản ánh vào chi phí mà sẽ phản ánh trực tiếp vào lợi nhuận chưa phân phối, vì khoản này thuộc hoàn toàn về chủ sở hữu.

Các bút toán dưới góc độ kế toán và thuế được phản ánh như Hình 6, trang 93.

Như vậy, căn cứ vào số dư của TK 3388 sẽ trả lời được giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của khoản phải trả tại ngày 31.12.20x2 là 100 triệu đồng.

Ví dụ 6: Trong năm 20x2, doanh nghiệp trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp là 200 triệu đồng, đã thực chi bằng tiền là 50 triệu đồng. Theo VAS thì giá trị ghi sổ 200 và cơ sở tính thuế của khoản phải trả này là 50. Khi tính thu nhập chịu thuế thì giữa kế toán và thuế sẽ phát sinh một khoản chênh lệch là 150 triệu đồng. Người làm kế toán thật sự gặp nhiều khó khăn, khi xác định theo VAS.

Nhóm tác giả đề nghị cách giải thích như sau: Nghiệp vụ trên thì kế toán sẽ định khoản Nợ TK 642/ Có TK 352: 200. Còn hạch toán theo góc nhìn của thuế thì chi phí được trừ liên quan đến khoản trích trước này là 50 triệu đồng (theo số thực chi). Số liệu kế toán được minh họa bằng tài khoản như Hình 7, trang 93.

Lập dự phòng phải trả 200 triệu đồng và thực chi 50 triệu đồng. Vì thực chi 50 triệu đồng nên được ghi chi phí liên quan đến dự phòng phải trả là 50 triệu đồng.

Như vậy, căn cứ vào số dư của TK 352 sẽ trả lời được giá trị ghi sổ là 150 triệu đồng và cơ sở tính thuế thu nhập của khoản phải trả là 0 triệu đồng.

ví dụ 7: Trong năm 20x1, doanh nghiệp có số dư cuối kỳ TK 1122: 10.000 USD x 23.000 đồng/USD, kế toán đã đánh giá lại theo tỷ giá hối

đoái tại ngày lập báo cáo tài chính là 23.200 đồng/USD. Theo VAS thì giá trị ghi sổ 10.000 USD x 23.200 đồng/USD và cơ sở tính thuế của tài sản này là 10.000 USD x 23.000 đồng/USD. Khi tính thu nhập chịu thuế thì giữa kế toán và thuế sẽ phát sinh một khoản chênh lệch là 10.000 USD x 200 đồng/USD.

Nhóm tác giả đề nghị cách giải thích như sau: Nghiệp vụ trên thì kế toán sẽ định khoản Nợ TK 1122/ Có TK 4131: 10.000 USD x 200 đồng/USD. Còn hạch toán theo góc nhìn của thuế thì khoản lãi chênh lệch tỷ giá không tính vào thu nhập chịu thuế, chỉ tính vào thu nhập chịu thuế và chi phí được trừ khi thực chi số ngoại tệ trên. Số liệu kế toán được minh họa bằng tài khoản như Hình 8, trang 93.

Như vậy, căn cứ vào số dư của TK 1122 sẽ trả lời được Giá trị ghi sổ là 232 triệu đồng và Cơ sở tính thuế thu nhập của tài sản là 230 triệu đồng.

Bài viết đã chia sẻ một cách tiếp cận thông qua tài khoản, để giúp người làm kế toán dễ dàng nhận diện được giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của tài sản hay nợ phải trả. Đây là kiến thức nền tảng để kế toán viên có thể dễ dàng hiểu được những khái niệm như chênh lệch tạm thời, tài sản thuế hoãn lại hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Từ đó, nhận diện được sự khác biệt giữa kế toán và thuế rất dễ dàng. Tuy nhiên, phương pháp này chỉ áp dụng được khi có thể thực hiện được các định khoản kế toán, còn trong những trường hợp đặc biệt như chuyển lỗ hay ưu đãi thuế thì chưa xử lý được. ■

Tài liệu tham khảo

1. *Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS), VAS 17 thuế thu nhập doanh nghiệp (Ban hành và công bố theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC, ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).*
2. *Thông tư 200/2014/TT-BTC, ngày 22/12/2014, Thông tư Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.*
3. *Chế độ kế toán doanh nghiệp, Quyển 2, NXB Tài chính năm 2015.*